

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DSST
Ngày: 07/6/2018
V/v tr A chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN D A
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

2/ Bà Trần Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 17/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tr A chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1972; Trú quán: Số 1172, đường CMT8, khu phố 2, phường 4, thành phố TN, tỉnh TN. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Phan Ánh T, sinh năm 1984; Trú quán: Tổ 10, ấp TB, xã An B, huyện CT, tỉnh TN. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 201 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên chị có cho chị Phan Ánh T mượn tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 25/02/2017 (AL) vay 40.000.000đ hạn 03 tháng trả lại

Ngày 02/10/2017 (AL) vay 24.000.000đ hạn miệng 01 tháng trả lại

Ngày 05/10/2017 (AL) vay 10.000.000đ hạn miệng 01 tháng trả lại

Ngày 12/10/2017 (AL) vay 30.000.000đ hạn miệng 01 tháng trả lại

Ngày 22/10/2017 (AL) vay 10.000.000đ hạn 02 tháng trả lại, tất cả không thỏa thuận lãi suất tổng cộng 114.000.000 đồng vốn, chị yêu cầu nhiều lần nhưng chị T không trả, nay yêu cầu trả 114.000.000 đồng vốn, không tính lãi.

Tại lời khai ngày 22/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Ánh T trình bày: Chị thừa nhận chị có mượn tiền của chị M nhiều

lần số tiền 114.000.000 đồng, giấy nợ chị M cung cấp đều do chị ký tên, nhưng số tiền này của chị M chỉ có 40.000.000đ, còn lại của chị Đ (Phan Th A N) số tiền là 25.000.000đ, của chị Ngô Thị Hoàng A (K A) số tiền 10.000.000đ, của chị Phạm Thị Bé S số tiền 10.000.000đ, của chị L (không biết họ địa chỉ), chỉ biết tên do chị L quen biết chị M và chị M giới thiệu cho chị nên chị mượn tiền của chị L số tiền 30.000.000đ, tổng cộng 115.000.000đ, không phải 114.000.000đ, chị có trả dần cho chị Đ (N) 02 lần mỗi lần 01 triệu, của K A mỗi lần 500.000đ, trả được 02 lần, chị S trả 02 lần mỗi lần 500.000đ, riêng của chị L nói không biết, nên chị chưa trả số tiền này cho chị L. Do đó, giữa chị và chị M tính toán chị chỉ nợ số tiền 40.000.000đ có giấy nợ ghi bằng giấy vay tiền, còn các giấy nợ khác là của những người chị khai ở trên, nên chị đồng ý trả cho chị M số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT trình bày:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ L vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 114.000.000 đồng vốn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay, theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TN.

[2]. Về nội dung: Giao dịch giữa chị M với chị T là có thật, chị T thừa nhận chị có vay tiền của chị M nhiều lần, các giấy nợ chị M cung cấp đều do chị T ký tên người vay tiền, có giấy nợ do chị T viết, có giấy nợ do chị M viết, nhưng chị T cho rằng chị chỉ nợ chị M 40.000.000đ, số tiền còn lại là của những người khác, chị chỉ đồng ý trả cho chị M số tiền 40.000.000đ.

Thấy rằng: Chị T ký nhận vay tiền của chị M 05 giấy nợ, cụ thể:

Ngày 25/02/2017 (AL) vay 40.000.000đ

Ngày 02/10/2017 (AL) vay 24.000.000đ

Ngày 05/10/2017 (AL) vay 10.000.000đ

Ngày 12/10/2017 (AL) vay 30.000.000đ

Ngày 22/10/2017 (AL) vay 10.000.000đ.

Tổng cộng 114.000.000 đồng vốn, không ghi lãi suất, có giấy nợ 40 triệu hẹn 03 tháng trả và giấy nợ 10 triệu ngày 22/10/2017 hẹn 02 tháng trả, các giấy nợ khác không hẹn thời hạn trả.

Tại phiên tòa, chị M giữ ý kiến chị T mượn chị nhiều lần có giấy nợ, có ngày tháng vay tổng số tiền là 114.000.000đ, giấy nợ bản chính chị đã cung cấp cho Tòa

án, ngoài ra giữa chị T và chị M không còn giấy nợ nào khác, nay chị M yêu cầu chị T trả vốn không tính lãi. Chị T thừa nhận nợ chị M số tiền như chị M đi kiện nhưng cho rằng giữa chị M và chị T tính toán với nhau và tổng kết lại bằng giấy vay vốn chị T còn nợ chị M số tiền 40.000.000đ và chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 74.000.000 đồng là chuyển giao cho những người khác, cũng như có trả tiền lãi cho chị M nhưng trả bao nhiêu lần và số tiền cụ thể chị T không nhớ, không có giấy tờ gì là không phù hợp. Vì qua xác minh những người chị T khai số tiền nợ của chị M 74.000.000đ là của người khác, nhưng những người này xác định không liên quan đến khoản nợ chị T ký mượn tiền của chị M, chị T vay tiền của họ đều có giấy nợ riêng, nên lời khai của chị T không có cơ sở, không phù hợp nhưng chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ. Tại phiên tòa, chị M khai chị có nhận được 08 lần số tiền 9.600.000 đồng tiền lãi của số tiền vốn 40.000.000đ, nhưng chị T cho rằng chị mượn tiền thì chị đồng ý trả lãi, nên chị không có ý kiến hay yêu cầu gì về số tiền lãi chị M đã khai. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền 114.000.000 đồng, không tính lãi.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với những tình tiết nêu trên.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.700.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tr A chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” của chị Nguyễn Ngọc M đối với chị Phan Ánh T.

2. Buộc chị Phan Ánh T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Ngọc M số tiền 114.000.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả cho chị M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí: Chị Phan Ánh T phải chịu 5.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh TN hoàn trả cho chị Nguyễn Ngọc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.850.000 đồng theo biên lai thu số 0018705 ngày 17/01/2018.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện CT;
- THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thịnh